


Phụ lục III
DANH MỤC HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HẠN NGẠCH THUẾ
QUAN HÀNG NAM THEO HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - LÀO
(Kèm theo Nghị định số 127/2022/NĐ-CP
ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ)

1. Hạn ngạch nhập khẩu lá thuốc lá chưa chế biến và phế liệu thuốc lá là 3.000 tấn, bao gồm:

STT	Mã số	Mô tả hàng hóa
	24.01	Lá thuốc lá chưa chế biến; phế liệu lá thuốc lá.
	2401.10	- Lá thuốc lá chưa tước cọng:
1	2401.10.10	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng (flue-cured)
2	2401.10.20	- - Loại Virginia, trừ loại sấy bằng không khí nóng
3	2401.10.40	- - Loại Burley
4	2401.10.50	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng
5	2401.10.90	- - Loại khác
	2401.20	- Lá thuốc lá, đã tước cọng một phần hoặc toàn bộ:
6	2401.20.10	- - Loại Virginia, đã sấy bằng không khí nóng (flue-cured)
7	2401.20.20	- - Loại Virginia, trừ loại sấy bằng không khí nóng
8	2401.20.30	- - Loại Oriental
9	2401.20.40	- - Loại Burley
10	2401.20.50	- - Loại khác, được sấy bằng không khí nóng (flue-cured)
11	2401.20.90	- - Loại khác
	2401.30	- Phế liệu lá thuốc lá:
12	2401.30.10	- - Cọng thuốc lá
13	2401.30.90	- - Loại khác

2. Hạn ngạch nhập khẩu gạo là 70.000 tấn, bao gồm:

STT	Mã số	Mô tả hàng hóa
	10.06	Lúa gạo.
	1006.10	- Thóc:
1	1006.10.90	- - Loại khác
	1006.20	- Gạo lứt:
2	1006.20.10	- - Gạo Hom Mali
3	1006.20.90	- - Loại khác

Ghi chú:

1. Tất cả các mặt hàng nêu trên đều được phân loại theo hệ thống AHTN 2022.
2. Chứng nhận xuất xứ của các mặt hàng trên được cấp theo Form S.